

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC LỚP MẪU GIÁO 5 - 6 TUỔI A. NĂM HỌC 2025 - 2026

1. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Căn cứ quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2025 về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

- Căn cứ vào số 179/QN-HĐT ngày 22 tháng 8 năm 2025 quyết nghị về việc phê duyệt ban hành chương trình giáo dục nhà trường năm học 2025 - 2026 của trường mầm non Thanh Chấn.

- Căn cứ Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ năm học 2025 - 2026 của trường mầm non Thanh Chấn số 183/KH-MNTC ngày 26 tháng 8 năm 2025.

- Căn cứ vào điều kiện thực tế về cơ sở vật chất đồ dùng đồ chơi và trình độ học sinh. Lớp mẫu giáo 5-6 tuổi A xây dựng Kế hoạch nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

2. Phương pháp giáo dục

- Phương pháp thực hành, trải nghiệm
- Phương pháp trực quan - minh họa (quan sát, làm mẫu, minh họa)
- Phương pháp dùng lời nói
- Phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ
- Phương pháp nêu gương - đánh giá
- Ứng dụng phương pháp giáo dục STEM/STEAM

3. Kế hoạch giáo dục năm học 2025 - 2026

Mục tiêu giáo dục		Nội dung giáo dục	Thực hiện trong chủ đề	Điều chỉnh bổ sung
TT	Mục tiêu			
1. Lĩnh vực phát triển thể chất				
a) Chiều cao cân nặng				
1	- Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.	- Cân nặng của trẻ: + Trẻ trai: 16,0 - 26,6kg + Trẻ gái: 15,0 - 26,2kg - Chiều cao của trẻ: + Trẻ trai: 106,4 - 125,8cm + Trẻ gái: 104,8 - 124,5cm	9	
b, Phát triển vận động				

2	- Trẻ có thể thực hiện đúng thuần thục các động tác: Hô hấp; Tay; Lung bụng lườn; chân của bài tập thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc, bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Hô hấp: Hít vào thở ra thổi nơ, thổi bóng.... - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên Kết hợp với vẩy bàn tay, kiễng chân + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên Kết hợp quay cổ tay. + Đưa tay ra phía trước, sau. + Đưa tay ra phía trước, sang ngang + Co và ruỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. + Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. + Đánh chéo hai tay ra trước, sau + Luân phiên từng tay đưa lên cao - Lung bụng lườn: + Cúi về trước, ngửa người ra sau kết hợp tay đưa lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông chân bước sang phải, sang trái + Quay sang trái, sang phải kết hợp hai tay giang ngang, chân bước sang phải, sang trái + Nghiêng người sang 2 bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. + Đứng cúi người về trước - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau + Nhảy lên đưa 2 chân sang ngang, + Nhảy lên đưa 1 chân về phía trước, một chân về phía sau + Khuyu gối + Đưa chân ra các phía + Nâng cao chân gập gối + Bật về các phía + Bật đưa chân sang ngang.	1,2,3,4,5, 6,7,8,9	
---	--	--	--------------------	--

3	- Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện các vận động: + Đi bằng mép ngoài bàn chân, đi khuyu gối, đi trên dây, đi nổi bàn chân tiến, lùi... + Đi lên, xuống ván kê dốc (Dài 2m, rộng 0,3m) một đầu kê cao 0,3m. + Không làm rơi vật đang đội trên đầu khi đi trên ghế thể dục. + Đứng 1 chân và giữ thăng tron vòng 10 giây.	- Đi bằng mép ngoài bàn chân. - Đi khuyu gối. - Đi trên dây(Đặt dây trên sàn) - Đi lên, xuống trên ván kê dốc(dài 2m, rộng 0,3m). - Đi nổi bàn chân tiến, lùi - Đi thăng bằng trên ghế thể dục đầu đội túi cát - Nhảy lò cò 5m.	1,2,4,6,7,8	
4	- Trẻ có thể kiểm soát vận động: Đi, Chạy... + Đi/ chạy thay đổi hướng vận động theo đúng hiệu lệnh, đích dắc... (Đổi hướng ít nhất 3 lần)	- Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh - Đi thay đổi hướng (dích dắc) theo hiệu lệnh - Chạy đổi hướng theo hiệu lệnh - Chạy chậm 100 - 120m - Chạy 18m trong 10 giây	3,4,5,6,8,9	
5	- Trẻ biết thể hiện nhanh, mạnh, khéo léo trong thực hiện các bài tập tổng hợp: Bò, trườn, trèo... + Bò vòng qua 5 - 7 điểm đích dắc, cách nhau 1,5m theo đúng yêu cầu.	- Bò dích dắc qua 7 điểm - Bò bằng bàn tay, bàn chân 4-5m - Bò chui qua ống dài 1,5 x 0,6m - Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5mx30cm - Trèo lên xuống 7 giống thang	1,2,3,4,5,6,8	
6	- Trẻ biết phối hợp tay mắt trong các vận	- Ném xa bằng 1 tay. - Ném xa bằng hai tay.	1,2,4,5,6,7,8,9	

	động: Đi, ném, bắt, tung, đập, chuyền ... + Bắt và ném bóng với người đối diện (Khoảng cách 4m) + Ném trúng đích đứng (xa 2m cao 1,5m) + Đi, đập, bắt được bóng nảy 4 -5 lần liên tiếp	- Bắt và ném bóng với người đối diện từ khoảng cách 4m. - Ném trúng đích đứng xa (2m cao 1,5m) bằng 1 tay. - Ném trúng đích đứng bằng hai tay - Ném trúng đích ngang bằng 1tay . - Ném trúng đích ngang bằng 2tay. - Đi, đập và bắt bóng nảy 4 -5 lần liên tiếp. - Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Tung, đập bắt bóng tại chỗ. - Chuyền, bắt bóng qua đầu, qua chân.		
7	- Trẻ biết bật xa tối thiểu 50cm , bật liên tục, bật nhảy, bật qua vật cản, bật tách khếp chân...	- Bật xa 40-50cm. - Bật liên tục vào vòng. - Bật - nhảy từ trên cao xuống 40 - 45 cm. - Bật qua vật cản 15- 20 cm. - Bật tách khếp chân qua 7 ô.	1,3,4,5,6,8,9	
8	- Trẻ biết thực hiện được các vận động. + Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay . + Gập, mở lần lượt từng ngón tay	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay: + Uốn ngón tay, bàn tay + Xoay cổ tay + Gập mở lần lượt từng ngón tay	1,3,5.	
9	- Trẻ có thể thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay-mắt trong một số hoạt động: + Vẽ hình, tô đồ và sao chép các chữ cái, chữ số + Xé,cắt đường vòng cung, theo đường viền hình vẽ + Xếp chồng 12 đến 15 khối theo mẫu + Ghép và dán hình đã	- Tô, đồ theo nét - Vẽ hình và sao chép chữ cái, chữ số - Xé, cắt đường vòng cung, theo đường viền hình vẽ - Lắp ráp - Ghép hình - Bẻ, nắn - Xếp chồng 12-15 khối theo mẫu - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu - Tự cài, cởi cúc, kéo khóa áo, dây giày, ba lô ...	1,2,3,4,5,6,7,8,9	

	cắt theo mẫu + Tự cài, cời cúc, khâu luôn dây giày, cài quai dép, kéo khóa... + Lắp giáp, ghép hình; Bể, nân	- Khâu luôn dây giày, dây áo, buộc dây. - Cài quai dép		
C. Giáo dục dinh dưỡng sức khỏe				
10	- Trẻ biết lựa chọn một số thực phẩm khi được gọi tên, nhóm. + Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá.... + Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: Rau, quả.... + Thực phẩm giàu chất béo: Lạc, mỡ... + Thực phẩm giàu chất bột đường: Gạo, ngô...	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm + Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá.... + Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: Rau, quả.... + Thực phẩm giàu chất béo + Thực phẩm giàu chất bột đường.	2,5,6	
11	- Trẻ biết nói được tên một số món ăn hằng ngày và dạng chế biến đơn giản: Rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; Gạo nấu cơm, cháo.....	- Làm quen với 1 số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn của địa phương: Cá nướng, rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; Gạo nấu cơm, cháo.....	2,9	
12	- Trẻ biết ăn nhiều loại thức ăn, ăn chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có ga, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì, không có lợi ích cho sức khỏe.	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Ăn mất vệ sinh, ăn quả xanh bị ỉa chảy, ăn nhiều bánh kẹo không đánh răng sẽ bị sâu răng, ăn ít ăn không đủ chất sẽ bị suy dinh dưỡng, ăn nhiều chất béo sẽ bị béo phì...)	3,4	
13	- Trẻ biết thực hiện một số việc đơn giản: + Tự rửa tay bằng xà phòng. Tự lau mặt, đánh răng + Tự thay quần áo, khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. + Đi vệ sinh đúng nơi	- Tập luyện kỹ năng; Đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng theo 6 bước - Tự thay quần áo, khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách đi xong dội nước cho sạch	1,2,8	

	quy định, biết đi xong giới nước cho sạch			
14	- Trẻ biết sử dụng đồ dùng phục vụ ăn, uống thành thạo	- Sử dụng đồ dùng ăn uống thành thạo.	3,9	
15	- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: + Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn + Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn + Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau + Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	-Tập luyện một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: + Mời cô, mời bạn khi ăn, ăn từ tốn + Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn + Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau + Không uống nước lã, ăn quà vặt ngoài đường.	1,5,6,7	
16	- Trẻ có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh phòng bệnh: + Vệ sinh răng miệng; sau khi ăn, trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy + Ra nắng đội mũ; đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. + Nói với người lớn khi ốm đau, chảy máu hoặc sốt... + Che miệng khi ho, hắt hơi + Đi vệ sinh đúng nơi quy định + Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. Vệ sinh răng miệng; sau khi ăn, trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy - Bảo vệ sức khỏe, an toàn khi có thời tiết thay đổi: Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết đi tất, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Lợi ích của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. Ra nắng đội mũ... - Nhận biết một số biểu hiện khi ốm. Nguyên nhân và cách phòng tránh. Nói với người lớn khi ốm đau, chảy máu hoặc sốt... - Lấy tay che miệng khi hắt hơi, ngáp. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định -Bỏ rác đúng nơi quy định; không nhổ bậy ra lớp.	2,4,5,7,8,9.	
17	- Trẻ biết ẩm nước điện, bàn là, bếp điện bếp củi, bếp ga, phích nước nóng....là những	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng: ẩm nước điện, bàn là, bếp điện bếp củi, bếp ga, phích	4,6	

	vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần, không nghịch các vật sắc, nhọn.	nước nóng, dao, kéo...		
18	- Trẻ biết những nơi như: Ao, nương, sông suối, hồ vôi bể chứa nước, giếng, bụi rậm....là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần	- Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn:Ao, nương, sông suối, hồ vôi bể chứa nước, giếng, bụi rậm....	8,9	
19	- Trẻ biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh: + Cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc.... + Không tự ý uống thuốc + Ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe + Tránh nguồn lửa và một số sự cố có thể gây ra cháy nổ. .	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm: +Không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt dễ bị hóc, sặc.... + Không tự ý uống thuốc + Không ăn thức ăn có mùi ôi, ăn lá, quả lạ dễ bị ngộ độc; uống rượu bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe . + Biết cách phòng tránh nguồn lửa và một số sự cố có thể gây ra cháy nổ.	3,5,9	
20	Biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ: + Trẻ biết gọi lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: Cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu. + Trẻ biết một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế, ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp nhờ người giúp đỡ. + Gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu ... + Tránh một số trường hợp không an toàn: + Khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. + Nói được địa chỉ nơi ở(thôn,	3,6,8	

	+ Ra khỏi nhà khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. + Biết được địa chỉ, nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân khi bị lạc, biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.	xóm, đội), số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ.		
21	- Trẻ thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: + Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi... Không đi theo người lạ rủ... + Đi bộ trên vỉa hè: Đi sang đường phải có người lớn dắt: Đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. + Không leo trèo cây, ban công tường rào.	- Thực hiện một số quy định ở trường, nơi công cộng về an toàn: Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi ... Không đi theo người lạ rủ, kêu người lớn khi bị ép đi hoặc mách người lớn khi có sự việc đó xảy ra với bạn. - Đi bộ trên vỉa hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào...	1,6,7	

2. Lĩnh vực nhận thức.

a, Khám phá khoa học

22	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để quan sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét: lá, hoa, quả...và thảo luận về đặc điểm của đối tượng	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của cơ thể.	2	
23	- Trẻ biết nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng quan sát.	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi - So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông. Ảnh	1,3,5,6,7	

		hưởng của PTGT đối với môi trường, không khí, sức khỏe - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của cây, hoa, quả nổi bật của địa phương (Bưởi, ổi, cà chua...) - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật. - So sánh sự khác nhau và giống nhau của cây, hoa, quả. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây: + Cách chăm sóc bảo vệ con vật khi chuẩn bị có thiên tai. - Cách chăm sóc và bảo vệ cây cối khi chuẩn bị có thiên tai. + Ảnh hưởng của BĐKH và thiên tai đến động vật: dịch bệnh, thiếu nước, ô nhiễm môi trường.		
24	-Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận. Ví dụ: Thử nghiệm gieo hạt/ trồng cây được tưới nước và không tưới, theo dõi và so sánh sự phát triển.	- Quá trình phát triển của cây, điều kiện sống của một số loại cây của địa phương. - Quá trình phát triển con vật; điều kiện sống của một số con vật nổi bật của địa phương. - Giải thích nguyên nhân một số hậu quả cơ bản của thiên tai thường xảy ra ở địa phương. - Cách ứng phó đơn giản khi có thiên tai và hiểu tại sao phải làm vậy.	5,6,8	
25	-Trẻ biết thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: Xem sách, tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận.			
26	- Trẻ biết phân loại các đối tượng: Đồ dùng đồ chơi, cây hoa, con vật, PTGT theo những dấu hiệu khác nhau	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2-3 dấu hiệu. - Phân loại cây, hoa, quả theo 2-3 dấu hiệu - Phân loại con vật theo 2-3 dấu hiệu. - Phân loại PTGT theo 2-3 dấu hiệu.	1,3,5,6,7	

27	- Trẻ biết nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. VD: “Nắp cốc có những giọt nước do nước bốc hơi”	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống. + Ảnh hưởng của BDKH và thiên tai đối với động vật (ô nhiễm, thiếu nước, dịch bệnh...) - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa cây với môi trường sống. + Ảnh hưởng của thiên tai đến thực vật và ích lợi của thực vật đối với phòng chống thiên tai - Ảnh hưởng của thiên tai đối với các hoạt động PTGT	5,6,7	
28	- Trẻ biết giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.			
29	- Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.			
30	- Trẻ biết tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: “Tại sao có mưa...”	- Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. Sự thay đổi bất thường của thời tiết + Sự nóng lên của trái đất - Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng . - Các nguồn nước trong môi trường sống: Nước sạch, mưa, giếng khoan... - Ích lợi của nước trong môi trường sống con người, con vật và cây. Bảo vệ nguồn nước. - Một số đặc điểm, tính chất của nước. - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi	8	

31	- Trẻ biết thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình	Thể hiện qua nội dung hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình	2,4,5,7,9	
b. Làm quen với toán				
32	- Trẻ biết quan tâm đến các con số như thích nói về số lượng và đếm: “ Bao nhiêu?”, “ Đây là mấy”	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	1,3,4,6,8	
33	- Trẻ biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.			
34	- Trẻ biết so sánh số lượng của 3 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: Bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.			
35	- Trẻ biết nhận biết các số từ 5 – 10 và sử dụng các số đó chỉ số lượng, số thứ tự.	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
36	- Trẻ biết gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm.	- Gộp/ tách các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.	2,4,5,7,9	
37	- Trẻ biết tách 1 nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành 2 nhóm bằng các cách khác nhau.			
38	- Trẻ biết các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày.	- Nhận biết ý nghĩa của các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, biển số xe...).	3,7	
39	- Trẻ biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu.	- Ghép thành cặp những đối tượng có mối liên quan.	9	
40	Trẻ biết nhận ra quy tắc sắp xếp (Mẫu) và	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc.	4	

	sao chép lại			
41	- Trẻ biết sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp.	- Tạo ra quy tắc sắp xếp	4	
42	- Trẻ biết sử dụng được một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo,	3,6,8	
43	- Trẻ biết gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật; Chắp ghép, tạo một số hình ...	- Nhận biết, gọi tên khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối hình đó trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Tạo một số hình hình học bằng các cách khác nhau.	5,7	
44	- Trẻ biết sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước – phía sau ; phía trên – phía dưới ; phía phải – phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.	2,6	
45	- Trẻ biết gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các thứ trong tuần.	8	
c. Khám phá xã hội				
46	- Trẻ có thể nói đúng họ tên ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình.	2	
47	- Trẻ biết tên, tuổi, giới tính, công việc hằng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ ; sở thích của các thành viên trong gia đình ; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình	3	
48	- Trẻ biết nói địa chỉ gia đình mình (thôn xóm đội bản), số điện	- Hoạt động sinh hoạt của gia đình hướng đến bảo vệ môi trường, hạn chế BDKH		

	thoại (nếu có).....khi được hỏi, trò chuyện.			
49	- Trẻ biết nói tên, địa chỉ và mô tả được một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non +Bảo vệ môi trường, cảnh quan của nhà trường	1	
50	- Trẻ biết nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện.	- Công việc của các cô bác trong trường.	1	
51	- Trẻ biết nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện	- Đặc điểm, sở thích của các bạn ; các hoạt động của trẻ ở trường.	1	
52	- Trẻ biết nói đặc điểm và khác nhau của một số nghề. VD: Nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, Nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới....”	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. + Một số nghề có vai trò tham gia công tác phòng chống thiên tai, ứng phó với BDKH: công nhân vệ sinh môi trường, dự báo thời tiết... + Mối quan hệ giữa hoạt động nghề nghiệp đối với môi trường	4	
53	- Trẻ biết kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động của một số lễ hội. VD Nói: “Ngày quốc khánh (Ngày 2/9), cả phố em treo cờ, bố mẹ được nghỉ làm và cho em đi chơi công viên..”	- Đặc điểm nổi bật của một số lễ hội, sự kiện văn hóa của địa phương: lễ hội hoa ban, tết nguyên đán, ngày hội bé đến trường, tết thiếu nhi...	1, 4, 6, 7, 9	
54	- Trẻ biết kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước: Khu tưởng niệm các anh hùng liệt sĩ của xã, Đồi A1, Him Lam...	9	
3. Lĩnh vực ngôn ngữ				
55	- Trẻ hiểu nghĩa từ	- Hiểu các từ khái quát, từ trái		

	khái quát: Phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (Đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập...) + Trẻ có thể nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng anh + Trẻ có thể nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 10, một số từ, cụm từ chỉ sự vật, hiện tượng, hành động quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng anh.	nghĩa. Đồ dùng học tập, đồ dùng trong gia đình, động vật, thực vật, phương tiện giao thông + Nghe từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hiện tượng, hành động đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi trong phạm vi khoảng 100 từ, cụm từ bằng tiếng Anh + Nghe số từ 1 đến 10; chữ cái bằng tiếng Anh	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
56	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể, VD: “ Các bạn có tên bằng chữ cái t đứng sang bên phải, các bạn có tên bắt đầu bằng chữ cái h đứng sang bên trái”	- Hiểu và làm theo được 2,3 yêu cầu liên tiếp - Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi. - Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè dân gian của địa phương phù hợp với độ tuổi	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
57	- Trẻ biết lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức.	2,6	
58	- Trẻ biết kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được. + Trẻ có thể nhắc lại được, nói được từ chỉ người, đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động trong phạm vi từ vựng được làm quen bằng tiếng anh	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu và phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Kể lại sự việc theo trình tự. + Nhắc lại, nói từ chỉ người, tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động đơn giản, quen thuộc trong phạm vi khoảng 100 từ, cụm từ; + Phát âm tương đối rõ ràng các từ đơn lẻ, cụm từ và một số mẫu	1,2,3,4,5,6,7,8,9	

	+ Trẻ có thể hát theo, hát được một số bài hát quen thuộc với lứa tuổi bằng tiếng anh	câu quen thuộc trong phạm vi từ vựng được làm quen bằng tiếng anh + Hát theo một số bài hát đơn giản, phù hợp với lứa tuổi bằng tiếng anh.		
59	- Trẻ có thể dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh...	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.	7,8	
60	- Trẻ biết sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm.....phù hợp với ngữ cảnh.	-Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân , so sánh: “Tại sao”; “ Có gì giống nhau?”; “ Có gì khác nhau?”; “ Do đâu mà có” - Đặt các câu hỏi: “ Tại sao?”; “ Như thế nào?”; “ Làm bằng gì?”.	7,9	
61	Sử dụng các từ: “Cảm ơn”; “Xin lỗi”;”Xin phép”; “ Thừa”; “ Dạ”; “Vâng”....Phù hợp với tình huống.	- Sử dụng các từ biểu cảm, hình tượng	1,4	
62	- Trẻ biết miêu tả sự việc với một số thông tin về hành động, tính cách, trạng thái...của nhân vật.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.	5,8	
63	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với ngữ cảnh			
64	- Trẻ biết đọc biểu cảm bài thơ đồng dao, ca dao...	- Đọc thơ, ca dao, đồng dao,tục ngữ, hò vè dân gian của địa phương	1,2,3,4,5, 6,7,8,9	
65	- Trẻ biết kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện....trong nội dung chuyện	- Kể lại truyện đã được nghe theo trình tự.	6,9	
66	- Trẻ biết kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Kể truyện theo đồ vật, theo tranh.	9	
67	- Trẻ đóng được vai	- Đóng kịch	5,9	

	của nhân vật trong chuyện.			
68	- Trẻ nhận ra kí hiệu thông thường: Nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông....	- Làm quen với một số kí hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: Đường cho người đi bộ.....)	1,7,8	
69	- Trẻ nhận dạng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng việt.	- Nhận dạng các chữ cái.(29 chữ cái)	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
70	- Trẻ biết tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Tập tô, tập đồ các nét chữ. - Sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
71	- Trẻ biết chọn sách để “Đọc” và xem. + Trẻ có thể xem tranh ảnh, minh họa và đọc theo thành tiếng từ chỉ người, gọi tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động trong phạm vi từ vựng được làm quen bằng tiếng anh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ + Xem tranh ảnh, minh họa và đọc theo thành tiếng từ chỉ người, gọi tên đồ vật, sự vật, hiện tượng và hành động trong phạm vi từ vựng được làm quen bằng tiếng anh.	6,7,8,9	
72	- Trẻ biết cách “đọc sách” Từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- Làm quen với cách đọc viết tiếng việt: + Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ: Đọc ngắt nghỉ sau các dấu - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - Giữ gìn, bảo vệ sách. Cắt sách gọn gàng đúng nơi quy định.	3,4,6	
4. Lĩnh vực tình cảm kỹ năng xã hội				
73	- Trẻ nói được họ tên, tuổi giới tính của bản thân, tên bố, mẹ, địa chỉ nhà hoặc điện thoại.	- Nói được thông tin của bản thân, những người gần gũi phù hợp với văn hóa địa phương (tên tuổi, giới tính, công việc, cách xưng hô...).	3	
74	Trẻ nói được điều bé thích, không thích,	- Sở thích, khả năng của bản thân.	2,5	

	những việc bé làm được và việc bé không làm được	- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến		
75	Trẻ nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.	2	
76	- Trẻ biết mình là con/cháu/anh/chị/ em trong gia đình.	- Vị trí trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học	2,3	
77	-Trẻ biết vâng lời, giúp bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.			
78	- Trẻ tự làm một số việc đơn giản hàng ngày(Vệ sinh cá nhân, trực nhật, chơi.....)	- Thực hiện công việc được giao(Trực nhật, xếp dọn đồ chơi.....)	4,5	
79	- Trẻ cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	- Chủ động và độc lập trong một số hoạt động.	4,8	
80	- Trẻ nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh, qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc.	2,9	
81	- Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: Vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên xấu hổ.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.	6	
82	- Trẻ biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác	3	
83	- Trẻ nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ(chỗ ở, nơi làm việc)	- Kính yêu Bác Hồ - Nhận ra hình ảnh Bác Hồ qua tranh, truyện, video - Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ,cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. - Năm điều Bác Hồ dạy - Biết lắng Bác Hồ	1, 9	
84	- Trẻ biết thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ,cùng cô kể chuyện về Bác			

	Hồ.			
85	- Trẻ biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (Trang phục, món ăn...) của quê hương đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, lễ hội của quê hương. Yêu quý các giá trị văn hóa dân trưng của địa phương(trang phục, lễ hội...)	9	
86	- Trẻ biết thực hiện một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau khi chơi cất đồ chơi vào đúng nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	- Một số quy định ở lớp, gia đình nơi công cộng (Đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, ngủ; Đi bên phải lề đường) - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	1,3	
87	- Trẻ biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Kỹ năng giao tiếp, ứng xử phù hợp với văn hóa nơi trẻ sống (lời nói cử chỉ, lễ phép lịch sự...) - Có hành vi phù hợp với văn hóa, phong tục tập quán của địa phương như: chào hỏi, giúp đỡ người khác...	4,7	
88	- Trẻ chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác nói.	- Lắng nghe ý kiến của người khác.	4,7	
89	- Trẻ biết chờ đến lượt.	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận.	7,9	
90	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thỏa thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	- Quan tâm, chia sẻ giúp đỡ bạn. + Bình đẳng giới giữa bạn nam, bạn nữ trong hoạt động ở lớp, ở trường	1,6	
91	- Trẻ biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Nhận biết và bày tỏ thái độ với hành vi “Đúng” - “ Sai”, “ Tốt”- “ Xấu”.	1,5,8	
92	- Trẻ thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ, chăm sóc con vật. - Bảo vệ, chăm sóc cây cối	5,6	

93	- Trẻ biết bỏ rác đúng nơi quy định.	- Giữ gìn vệ sinh môi trường.	7	
94	- Trẻ biết biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường (không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa.)	- Có ý thức bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên và cảnh giác với các hiện tượng thiên tai có thể xảy ra	6	
95	- Trẻ biết tiết kiệm trong sinh hoạt: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	-Tiết kiệm điện, nước: Tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khóa vòi nước sau khi dùng	8	
5. Lĩnh vực thẩm thẩm mỹ				
96	- Trẻ biết tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của sự vật hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp thiên nhiên, cuộc sống sinh hoạt, lễ hội của địa phương	1,5,9	
97	- Trẻ biết thích thú và ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục....) các tác phẩm tạo hình.			
98	- Trẻ biết chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác mình họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc, thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau “ Nhạc thiếu nhi,dân ca, nhạc cổ điển” - Nghe và nhận ra sắc thái (Vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc.	2,3	
99	- Trẻ biết hát đúng giai điệu lời ca, hát diễn	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của	1,2,3,4,5,	

	cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ cử chỉ....	bài hát.	6,7,8,9	
100	- Trẻ biết vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các tiết tấu, múa).	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát dân ca, điệu nhảy múa đặc sắc của dân tộc thái,tày,nùng. - Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu.(Nhanh, chậm, phối hợp)	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
101	- Trẻ biết phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Khuyến khích lựa chọn phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm.	7,8	
102	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng vẽ, để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng vẽ để tạo nên sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng /đường nét, bố cục	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
103	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hòa, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng cắt, xé dán để tạo nên sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng /đường nét, bố cục	4,6,7,8,9	
104	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối	- Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo nên sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng /đường nét, bố cục	2,4,5,6,8	
105	- Trẻ biết phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hòa, bố cục cân đối	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo nên sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng /đường nét, bố cục	4,9	
106	- Trẻ biết nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng / đường nét và bố cục.	1,2,3,4,5,6,7,8,9	
107	- Trẻ tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài	-Khuyến khích trẻ sáng tạo các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích	7,8	

	hát yêu thích.			
108	- Trẻ biết gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn.	- Khuyến khích đặt lời theo giai điệu 1 bài hát, bản nhạc quen thuộc (Một câu hoặc một đoạn)	9	
109	- Trẻ nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Tìm kiếm lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu có sẵn ở địa phương để tạo ra sản phẩm theo ý thích.	5,6	
110	- Trẻ biết đặt tên các sản phẩm tạo hình .	- Đặt tên cho sản phẩm của mình.	8,9	

BAN GIÁM HIỆU DUYỆT



PHT: Nguyễn Thị Thanh Trà

NGƯỜI LẬP KẾ HOẠCH



Lò Thị Cường